

Những quy định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, thực trạng và giải pháp hoàn thiện : \ Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 \ Trần Thị Thu Hà ; Nghd. : TS. Vũ Quang

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Khái quát về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	6
1.1. Bản chất pháp lý của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	6
1.1.1. Khái quát về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	6
1.1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	6
1.1.1.2. Những căn cứ để tiến hành thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	10
1.1.1.3. Điều kiện để xác định thời điểm một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	12
1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	13
1.2. Vai trò của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	15
1.3. Vai trò của cơ quan Tòa án đối với thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	19
1.4. Quá trình hình thành và phát triển chế định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam	22
1.5. Pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của một số nước trên thế giới	23
1.5.1. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của Estonia	23
1.5.2. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của Hoa Kỳ	25
Chương 2: Thực trạng pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản Việt Nam 2004	26
2.1. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật phá sản năm 2004	26

2.1.1. Hội nghị chủ nợ	26
2.1.1.1. Triệu tập Hội nghị chủ nợ	26
2.1.1.2. Quyền hạn Hội nghị chủ nợ	28
2.1.1.3. Nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ	30
2.1.2. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	32
2.1.2.1. Nợ của doanh nghiệp	33
2.1.2.2. Khả năng hoạt động sản xuất của doanh nghiệp	34
2.2. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	34
2.1.3. Trình tự, thủ tục thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	38
2.1.3.1. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	38
2.1.3.2. Thụ lý và thủ tục Tòa án	43
2.1.3.3. Tổ chức quản lý tài sản	44
2.1.3.4. Các hoạt động kinh doanh được pháp luật cho phép trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	45
2.1.4. Trình tự, thủ tục thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	46
2.1.4.1. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi	46
2.1.4.2. Xem xét, thông qua phương án phục hồi	47
2.1.4.3. Giám sát việc thực hiện phương án phục hồi	48
2.1.4.4. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi	48
2.1.5. Đối với các tổ chức tín dụng là doanh nghiệp đặc thù trong nền kinh tế quốc dân	49
2.1.5.1. Dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản đối với các tổ chức tín dụng	49
2.1.5.2. Phục hồi khả năng thanh toán trước thời điểm yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản và phục hồi tổ chức tín dụng sau khi có quyết định mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản của tổ chức tín dụng	51
2.2. Hệ quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	56
2.2.1. Các trường hợp đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	56
2.2.1.1. Doanh nghiệp bị thua lỗ	56
2.2.1.2. Doanh nghiệp đã quá thời hạn thanh toán mà không thanh toán được các khoản nợ khi chủ nợ yêu cầu	57
2.2.2. Hệ quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	57
2.2.2.1. Hệ quả đối với doanh nghiệp	57
2.2.2.2. Hệ quả đối với các bên có liên quan	58
2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	59
2.3.1. Thực trạng áp dụng luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam	59
2.3.2. Tình hình thụ lý, giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	59
2.3.2.1. Những ưu điểm của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng	63

	phá sản theo luật phá sản 2004	
2.3.2.2.	Những điểm còn hạn chế của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản 2004	66
	Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản Việt Nam 2004	72
3.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định liên quan thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	72
3.2.	Sửa đổi bổ sung các quy định của Luật phá sản (2004) về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản	74
3.3.	Cần tăng cường thi hành các quy định về thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật phá sản năm 2004	79
	KẾT LUẬN	83
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	85

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phá sản là một hiện tượng thường gặp trong nền kinh tế thị trường, vì những lý do khác nhau doanh nghiệp lâm vào tình trạng không trả được nợ đến hạn, lúc đó doanh nghiệp có nguy cơ bị quy luật thị trường đào thải bằng con đường phá sản. Để cứu vãn doanh nghiệp trong những trường hợp này, pháp luật về phá sản ở các nước nói chung thường quy định các biện pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một bộ phận quan trọng trong trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp được quy định ở luật phá sản 2004. Thủ tục này nhằm tạo ra những điều kiện, cơ hội để doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có thể vượt qua được tình trạng mất khả năng toán nợ đến hạn, tránh bị tuyên bố phá sản. Bên cạnh đó, nếu doanh nghiệp phục hồi thành công còn có thể đảm bảo quyền, lợi ích cho chủ nợ và những người liên quan; công ăn việc làm cho người lao động; duy trì ổn định, trật tự xã hội từ đó làm lành mạnh hóa môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp.

Quốc hội khóa IX thông qua Luật phá sản doanh nghiệp ngày 30/12/1993 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/1994 đã có quy định khá chi tiết và tương đối đầy đủ nội dung thủ tục phục hồi nhằm cứu vãn doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Song trong 9 năm thực hiện Luật phá sản doanh nghiệp nói chung và thủ tục phục hồi nói riêng đã thể hiện những bất cập trong quá trình áp dụng cũng như việc phát huy hiệu quả của nó trên thực tế khi thủ tục phục hồi được qui định như là một khâu của quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Trước những yêu cầu đòi hỏi mới của nền kinh tế thị trường, việc hoàn thiện khung pháp luật về phá sản nói chung và thủ tục phục hồi doanh nghiệp nói riêng là cần thiết. Ngày 15/06/2004 Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật phá sản mới thay thế Luật phá sản doanh nghiệp (1993) và có hiệu lực từ ngày 15/10/2004. Thủ tục phục hồi đã được Luật phá sản qui định theo hướng tách ra thành thủ tục tương đối độc lập trong thủ tục phá sản với

nhiều qui định mới. Vì vậy, việc nghiên cứu những qui về thủ tục phục hồi trong Luật phá sản là điều rất quan trọng và cần thiết, trên cơ sở đó đưa những kiến nghị nhằm sớm đưa Luật phá sản vào cuộc sống và đạt được hiệu quả trong quá trình áp dụng. Với mong muốn đó, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: **"*Những quy định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*"** làm đề tài luận văn tốt nghiệp Cao học luật.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đến thời điểm hiện nay, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về thủ tục phá sản nói chung và thủ tục phục hồi nói riêng. Đó là các công trình: Báo cáo phúc trình đề tài **"*Đánh giá thực trạng, thực hiện nghiên cứu, phân tích để khuyến nghị hoàn thiện pháp luật phá sản doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan*"** của Câu lạc bộ Pháp chế doanh nghiệp do PGS.TS. Dương Đăng Huệ làm chủ nhiệm; Đề tài hoặc các bài viết như: **"*Thực tiễn giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp trong thời gian qua, những khó khăn vướng mắc và một số đề xuất kiến nghị*"**, của TS. Nguyễn Văn Dũng; Đề tài **"*Một số vấn đề lý luận về phá sản*"**, của TS. Trần Kim Hào và ThS. Nguyễn Kim Anh ở Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương; Đề tài **"*Dấu hiệu xác định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản*"**, của PGS.TS Đặng Văn Thanh... Các công trình cũng như các bài viết này đã nghiên cứu về những nội dung cơ bản của thủ tục phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản còn ở mức khiêm tốn. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, khi Luật phá sản trong giai đoạn sửa đổi bổ sung, cần có công trình nghiên cứu khoa học phân tích, đánh giá sâu hơn về những quy định của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản với tư cách là thủ tục độc lập.

3. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã sử dụng phương pháp luật của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngoài ra còn sử dụng một số phương pháp khoa học khác như phân tích, so sánh tổng hợp... Bên cạnh việc nghiên cứu các quy định của pháp luật về phá sản Việt Nam, tác giả còn tham khảo những tài liệu pháp luật về phá sản nước ngoài qui định về thủ tục phục hồi. Từ đó, có sự so sánh,

đổi chiều và đánh giá khách quan những quy định thủ tục phục hồi trong Luật phá sản.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của luận văn phân tích đánh giá đúng thực trạng pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện Luật phá sản.

Với mục đích đó đề tài có những nhiệm vụ sau:

- Làm rõ những vấn đề mang tính lý luận về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.
- Phân tích, đánh giá những quy định của pháp luật về thủ tục phục hồi của Luật phá sản, từ đó nêu lên được những ưu điểm, tiến bộ cũng như những hạn chế của các quy định đó.
- Đưa ra một số kiến nghị, phương hướng nhằm hoàn thiện Luật phá sản 2004.

5. Phạm vi nghiên cứu đề tài

Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là thủ tục quan trọng của Luật phá sản. Dưới góc độ pháp lý, phục hồi có thể được nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau. Có thể là biện pháp nhằm phục hồi doanh nghiệp hoặc thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Quá trình phục hồi có thể diễn ra tại Tòa án hoặc ngoài Tòa án.

Song, trong khuôn khổ luận văn thạc sĩ, tác giả chỉ đi sâu nghiên cứu những nội dung cơ bản liên quan tới trình tự, thủ tục tại Tòa án áp dụng cho việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được quy định theo Luật phá sản 2004.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu tương đối toàn diện và chi tiết về các quy định liên quan đến thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong bối cảnh Luật phá sản mới được ban hành. Vì vậy, luận văn có những đóng góp sau:

Thứ nhất: Luật phá sản quy định thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản với tư cách là một thủ tục tương đối độc lập. Vì vậy, việc

nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống những quy định về thủ tục phục hồi sẽ gợi mở một số vấn đề để cơ quan nhà nước có thẩm quyền lưu tâm trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật phá sản nói chung và thủ tục phục hồi nói riêng.

Thứ hai: Luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng toàn bộ các quy định liên quan đến thủ tục phục hồi và thực tiễn áp dụng các quy định đó, làm cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện Luật phá sản 2004.

Thứ ba: Quá trình nghiên cứu những quy định của Luật phá sản về thủ tục phục hồi, luận văn đưa ra một số giải pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về thủ tục phục hồi nói riêng và Luật phá sản nói chung.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Khái quát về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Chương 2: Thực trạng pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản năm Việt Nam 2004.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản Việt Nam 2004.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ THỦ TỤC

PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN

1.1. Bản chất pháp lý của thủ tục phục hồi Doanh Nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

1.1.1. Khái quát về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

1.1.1.1. Khái niệm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Ở nước ta, khái niệm phá sản xuất hiện sau thời kỳ đổi mới cơ chế kinh tế. Văn bản pháp lý đầu tiên liên quan đến giải quyết tình trạng doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ không có khả năng thanh toán nợ đó là Quyết định số 315/QĐ-HĐBT ngày 01/09/1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Tại khoản 4 Điều 3 của Quyết định quy định: "Đối với các đơn vị kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm thì Bộ và địa phương phải lập danh sách đầy đủ, tiến hành phân loại theo mức độ quan trọng của các sản phẩm và dịch vụ do đơn vị tạo ra và theo mức độ kém hiệu quả của các đơn vị. Từ đó có thể tìm ra các biện pháp để hỗ trợ cho các đơn vị sáp nhập vào các xí nghiệp khác hoặc chuyển đổi thành các tổ chức kinh tế tập thể. Nếu đơn vị đã thực hiện các biện pháp chấn chỉnh trên mà vẫn không có hiệu quả, tiếp tục thua lỗ và không có khả năng trả nợ thì cho phép giải thể". Như vậy Quyết định này đã đề cập đến doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ không có khả năng thanh toán nợ, nếu xét về bản chất thì nó là phá sản. Nhưng trong thời điểm này thì doanh nghiệp chỉ được phép giải thể bởi vì khái niệm về phá sản doanh nghiệp tại thời điểm này chưa được đặt ra.

Luật doanh nghiệp tư nhân năm 1990 và luật công ty năm 1990 đã bước đầu đề cập đến khái niệm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Theo Điều 24 - Luật công ty 1990: "*Công ty gặp khó khăn thua lỗ trong hoạt động kinh doanh đến lúc tại một thời điểm tổng số các tài sản của công ty không đủ để thanh toán tổng số các khoản nợ đến hạn là công ty lâm vào tình trạng phá sản*".

Định nghĩa này đã có điểm hạn chế rất lớn là chưa phản ánh được bản chất của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Trong quá trình nghiên cứu để ngày càng hoàn thiện hơn về nhận thức vấn đề phá sản doanh nghiệp, khắc phục những hạn chế trong Luật công ty 1990 và Luật doanh nghiệp tư nhân 1990. Luật phá sản doanh nghiệp 1993 là đạo luật về phá sản đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đưa ra dấu hiệu mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và nguyên nhân của việc mất khả năng thanh toán.

Theo quy định tại Điều 2 - Luật phá sản doanh nghiệp Việt Nam 1993 thì doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản phải thỏa mãn các dấu hiệu sau:

Thứ nhất: Doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh.

Thứ hai: Doanh nghiệp bị mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Thứ ba: Doanh nghiệp đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết để khắc phục việc mất khả năng thanh toán nhưng vẫn không khắc phục được.

Quy định này cho thấy việc mất khả năng thanh toán nợ đến hạn là do doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc thua lỗ trong kinh doanh một cách trầm trọng và đã áp dụng các biện pháp tài chính để khắc phục nhưng không đạt kết quả chứ không phải do một nguyên nhân nào khác. Như vậy, về mặt pháp lý nếu dùng khái niệm doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo Luật phá sản năm 1993 để chỉ tình trạng doanh nghiệp mất khả năng thanh toán nợ đến hạn một cách thực sự quan trọng và đang đứng bên bờ vực phá sản làm cơ sở để ra quyết định tuyên bố phá sản là chưa hợp lý và đã gây không ít khó khăn cho chủ nợ trong việc chứng minh là doanh nghiệp đã trở nên thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ.

Chính vì việc xác định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được quy định tại Điều 2 - Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 còn nhiều điểm chưa hợp lý nên điều này đã được sửa đổi tại Điều 3 - Luật phá sản năm 2004 như sau: "Doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là doanh nghiệp không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ yêu cầu". Như vậy, để bị xem là lâm vào tình trạng phá sản, doanh nghiệp đồng thời phải hội đủ hai điều kiện cơ bản là mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và khi chủ nợ chính thức yêu cầu thanh toán nợ mà doanh nghiệp không có khả năng trả được các khoản nợ đó. Đây là một bước tiến lớn của pháp luật phá sản nước ta và đã thể hiện sự can thiệp sớm của nhà nước vào hiện tượng phá sản.

1.1.1.2. Những căn cứ để tiến hành thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Trước đây, theo quy định tại Điều 2 - Luật phá sản năm 1993: "*Doanh nghiệp gặp khó khăn hoặc bị thua lỗ trong hoạt động kinh doanh sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết mà vẫn mất khả năng thanh toán nợ đến hạn*"

Tại nghị định 189/CP ngày 23/12/1994 của Chính phủ quy định dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản là: "*Doanh nghiệp bị thua lỗ trong 2 năm liên tiếp đến mức không trả được các khoản nợ đến hạn, không trả đủ lương cho người lao động theo thỏa ước lao động và hợp đồng lao động trong 3 tháng liên tiếp*"

Và hiện nay, theo Điều 3 - Luật phá sản năm 2004 "*Doanh nghiệp, hợp tác xã không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản*".

1.1.1.3. Điều kiện để xác định thời điểm một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

- Doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bị thua lỗ.
- Đã quá thời hạn thanh toán mà không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ yêu cầu.

1.1.2. Những đặc trưng cơ bản của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một trong những thủ tục tố tụng tư pháp đặc biệt và nó được điều chỉnh bởi những hệ thống văn bản pháp luật riêng biệt. Tính chất đặc biệt của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được thể hiện ở những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất: Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là quyết định của tập thể.

Thứ hai: Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tránh được những hậu quả xấu do việc phá sản gây ra.

Thứ ba: Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có thể có tác động tốt đến môi trường kinh doanh.

Thứ tư: Việc phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được Tòa án và các chủ nợ tạo điều kiện tối đa.

1.2. Vai trò của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất: Thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là công cụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ.

Thứ hai: Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp mắc nợ, tạo điều kiện để cho doanh nghiệp mắc nợ có cơ hội trở lại hoạt động kinh doanh bình thường trên thị trường.

Thứ ba: Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản góp phần bảo vệ lợi ích cho người lao động.

Thứ tư: Phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản góp phần bảo vệ kỷ cương xã hội.

Thứ năm: Phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản góp phần tổ chức lại cơ cấu nền kinh tế.

1.3. Vai trò của cơ quan Tòa án đối với thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Tòa án có vị trí trung tâm, có vai trò chủ đạo và là người trực tiếp giải quyết loại công việc này của xã hội, Tòa án không chỉ dừng lại ở việc quyết định những vấn đề thuộc về tố tụng phá sản mà nó còn can thiệp vào cả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm bảo đảm tài sản của doanh nghiệp.

1.4. Quá trình hình thành và phát triển chế định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam

Trước giải phóng cũng có hai đạo luật điều chỉnh phá sản là Luật phá sản trong Luật thương mại trung phần tại miền Trung Việt Nam ngày 02/06/1942 và Luật phá sản trong Luật thương mại Miền Nam Việt Nam năm 1972. Từ sau giải phóng miền Nam, khái niệm phá sản mới được đặt ra tại Luật phá sản doanh nghiệp 1993. Tuy nhiên luật này hầu hết chỉ thiên về

bảo vệ quyền lợi của chủ nợ và ít đặt ra mục tiêu tái tạo lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Luật phá sản 2004 ra đời đã có những quy định bảo vệ lợi ích cho các bên trong đó có doanh nghiệp mắc nợ.

1.5. Pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của một số nước trên thế giới

1.5.1. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của Estonia

Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của Estonia là một trong những vấn đề được quan tâm và được quy định rõ ràng trong luật phá sản trong giai đoạn phục hồi. Với những quy định của luật này có thể khiến việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trở nên quá dễ dàng khi nó trở thành công cụ ép buộc của các chủ nợ cá nhân đối với bên mắc nợ có khả năng thanh toán.

1.5.2. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của Hoa Kỳ

Mục đích cơ bản của luật phá sản Mỹ là cho con nợ lương thiện một cơ hội làm lại từ đầu bằng cách làm nhẹ gánh nặng cho con nợ đối với hầu hết các khoản nợ, và giúp họ tuân tự trả cho các chủ nợ bằng tài sản có sẵn cho việc chi trả.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ THỦ TỤC PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN THEO LUẬT PHÁ SẢN VIỆT NAM 2004

2.1. Thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của luật phá sản năm 2004

2.1.1. Hội nghị chủ nợ

Trong vụ phá sản, chủ nợ là những người có quyền lợi gắn bó chặt chẽ nhất với doanh nghiệp, họ là những nhà đầu tư, những đối tác. Chính vì vậy họ có quyền được tham gia vào quá trình quản lý, xử lý tài sản của doanh

ng nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trên nguyên tắc công khai và công bằng. Luật quy định có nhiều loại chủ nợ: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần, chủ nợ là người lao động trong trường hợp doanh nghiệp còn nợ họ tiền công, tiền lương và chủ nợ là Nhà nước trong trường hợp doanh nghiệp nợ thuế của Nhà nước.

2.1.1.1. Triệu tập Hội nghị chủ nợ

Theo quy định tại Điều 61 - Luật phá sản 2004 việc triệu tập Hội nghị chủ nợ được quy định như sau:

1. Trường hợp việc kiểm kê tài sản của doanh nghiệp, Hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản kết thúc trước ngày lập xong danh sách chủ nợ thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày lập xong danh sách chủ nợ, Thẩm phán phải triệu tập hội nghị chủ nợ.

2. Các hội nghị chủ nợ tiếp theo có thể được thẩm phán triệu tập vào bất kỳ ngày làm việc nào trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản theo đề nghị của tổ quản lý, thanh lý tài sản hoặc của các chủ nợ đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số nợ không có bảo đảm.

3. Giấy triệu tập hội nghị phải được gửi cho người có quyền tham gia hội nghị chủ nợ và người có nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ.

4. Hội nghị chủ nợ do thẩm phán phụ trách tiến hành thủ tục phá sản chủ trì.

2.1.1.2. Quyền hạn Hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ là nơi tập hợp tất cả các chủ nợ cũng như người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không phân biệt họ có nộp đơn hay không nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Hội nghị chủ nợ có các quyền sau:

- Quyền đề nghị Thẩm phán ra quyết định cử người quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trình hội nghị chủ nợ xem xét, quyết định.

- Giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Quyền được thanh toán các khoản nợ từ tài sản doanh nghiệp.

- Quyền của doanh nghiệp mắc nợ: Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để trình ra Hội nghị chủ nợ xem xét, thông qua.

2.1.1.3. Nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ

Thứ nhất: Nghĩa vụ tham gia hội nghị chủ nợ của doanh nghiệp mắc nợ.

Thứ hai: Nghĩa vụ thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh sau khi Hội nghị chủ nợ thông qua và được Tòa án công nhận.

2.1.2. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

- Thẩm phán có trách nhiệm triệu tập và chủ trì Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất để lấy ý kiến của các chủ nợ về việc cần phải áp dụng thủ tục phục hồi hay thanh lý tài sản.

- Thẩm phán chỉ ra quyết định áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất thông qua nghị quyết đồng ý với các giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, kế hoạch thanh toán nợ mà doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản đã đề xuất trong hội nghị chủ nợ.

2.1.2.1. Nợ của doanh nghiệp

Nợ của doanh nghiệp là một trong những điều kiện cần và đủ để có thể xác định một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Tại Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất, doanh nghiệp mắc nợ phải cam kết thanh toán các khoản nợ đối với chủ nợ khi doanh nghiệp thực hiện thành công phương án phục hồi, thanh toán các khoản nợ theo nội dung đã đề ra trong phương án phục hồi.

2.1.2.2. Khả năng hoạt động sản xuất của doanh nghiệp

Nếu xét thấy doanh nghiệp đang còn khả năng tiếp tục kinh doanh thì Hội nghị chủ nợ sẽ đồng ý cho doanh nghiệp mắc nợ phục hồi hoạt động kinh

doanh bằng các hình thức đã được quy định tại Khoản 2 - Điều 69 - Luật phá sản 2004. Việc tạo điều kiện cho doanh nghiệp mắc nợ có khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh này đã có thể tạo điều kiện, cơ hội cho doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng khó khăn về tài chính, khôi phục khả năng thanh toán nợ và góp phần đảm bảo công việc xử lý nợ một cách có hiệu quả tốt nhất.

2.2. Xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Xây dựng phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện cho chủ nợ tham gia một cách tích cực và chủ động hơn vào quá trình phục hồi hoạt động kinh doanh.

2.1.3. Trình tự, thủ tục thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.1.3.1. Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Phá sản là hiện tượng kinh tế khách quan trong nền kinh tế thị trường mà hậu quả của nó là xung đột lợi ích của các bên tham gia quan hệ kinh doanh. Phá sản không chỉ là xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp mất khả năng thanh toán với các chủ nợ của nó mà còn dẫn đến sự xung đột với lợi ích tập thể người lao động làm việc tại cơ sở của doanh nghiệp mắc nợ. Vì vậy, khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản thì đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là:

Thứ nhất: Đối với chủ nợ: Theo Khoản 1 điều 7 Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 "Sau thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày gửi giấy đòi nợ đến hạn mà không được doanh nghiệp thanh toán nợ, chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn đến Tòa án nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Luật phá sản năm 2004 vẫn quy định "chỉ có chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần mới có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản".

Thứ hai: Đối với người lao động:

Một là: Người lao động có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp khi họ không được trả lương cũng như các khoản nợ khác và họ nhận thấy rằng doanh nghiệp đã thực sự lâm vào tình trạng phá sản.

Hai là: Việc nộp đơn được thông qua đại diện công đoàn hoặc đại diện người lao động trong trường hợp không có công đoàn. Đại diện người lao động được cử hợp pháp sau khi được quá nửa số người lao động trong doanh nghiệp tán thành bằng cách bỏ phiếu kín hoặc lấy chữ ký: Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, có nhiều đơn vị trực thuộc thì đại diện cho người lao động được cử hợp pháp phải được quá nửa số người được cử làm đại diện từ các đơn vị trực thuộc tán thành

Thứ ba: Đối với doanh nghiệp mắc nợ: Trong trường hợp nhận thấy doanh nghiệp mình lâm vào tình trạng phá sản thì chủ doanh nghiệp hoặc đại diện hợp pháp của doanh nghiệp có nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản.

2.1.3.2. Thụ lý và thủ tục Tòa án

Sau khi Tòa án nhận được đơn yêu cầu tuyên bố phá sản của chủ nợ, đại diện người lao động hoặc doanh nghiệp mắc nợ, nếu xét thấy đơn hợp lệ thì Tòa án thụ lý đơn, còn nếu xét thấy đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung tài liệu thì Tòa án có quyền yêu cầu người nộp đơn sửa đổi đơn, bổ sung.

2.1.3.3. Tổ chức quản lý tài sản

Thứ nhất: Tổ quản lý tiến hành lập bảng kê chi tiết các tài sản đang còn của doanh nghiệp, kể cả tiền mặt, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá trị và các quyền về tài sản.

Thứ hai: Trước khi có quyết định cho doanh nghiệp được áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh thì cùng với Tòa án, tổ quản lý tài sản, chủ nợ, đại diện công đoàn có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh cũng như việc sử dụng tài sản của doanh nghiệp.

2.1.3.4. Các hoạt động kinh doanh được pháp luật cho phép trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

- Sau khi được hội nghị chủ nợ nhất trí cho doanh nghiệp mắc nợ thực hiện phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp vẫn được tiến hành sản xuất kinh doanh nhưng phải chịu sự giám sát của Thẩm phán và chủ thể quản lý tài sản.

- Doanh nghiệp còn có thể tiếp tục ký kết các hợp đồng mới sau khi có quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.4. Trình tự, thủ tục thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.1.4.1. Điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi

- Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất tổ chức thành.

- Hội nghị chủ nợ lần thứ nhất thông qua Nghị quyết đồng ý với các giải pháp tổ chức lại hoạt động kinh doanh, kế hoạch thanh toán nợ cho các chủ nợ và yêu cầu doanh nghiệp phải xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh.

2.1.4.2. Xem xét, thông qua phương án phục hồi

Thẩm phán phụ trách vụ việc phá sản phải xem xét phương án phục hồi hoạt động kinh doanh để quyết định có đưa phương án đó ra Hội nghị chủ nợ hay không. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định đưa phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ra Hội nghị chủ nợ, thẩm phán phải triệu tập hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương án phục hồi. Nghị quyết về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của nghiệp thông qua khi có quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt đại diện cho từ 2/3 tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành.

2.1.4.3. Giám sát việc thực hiện phương án phục hồi

Sau khi được Thẩm phán ra quyết định công nhận Nghị quyết của hội nghị chủ nợ về việc thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nó có hiệu lực đối với doanh nghiệp mắc nợ cũng như đối với các bên có liên quan. Tòa án và chủ nợ có nghĩa vụ giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.4.4. Thời hạn thực hiện phương án phục hồi

Thời hạn tối đa để thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là 3 năm, kể từ ngày đăng báo về quyết định của Tòa án công nhận Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.5. Đối với các tổ chức tín dụng là doanh nghiệp đặc thù trong nền kinh tế quốc dân

2.1.5.1. Dấu hiệu lâm vào tình trạng phá sản đối với các tổ chức tín dụng

Tổ chức tín dụng là một doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Các tổ chức tín dụng, trong đó nòng cốt là các ngân hàng, thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan, bao gồm các hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng tiền này để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán. Các quan hệ tín dụng được dựa trên uy tín của các bên. Một khi uy tín của tổ chức tín dụng mất đi do mất khả năng thanh toán, chi trả các khoản nợ cho người giữ tiền thì uy tín cũng như vị thế của tổ chức tín dụng trên thị trường bị giảm sút và hệ quả là khách hàng ào ạt đến rút tiền, làm mất khả năng thanh toán của các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản.

2.1.5.2. Phục hồi khả năng thanh toán trước thời điểm yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản và phục hồi tổ chức tín dụng sau khi có quyết định mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản của tổ chức tín dụng

Một ngân hàng bị phá sản, hậu quả không chỉ đối với bản thân ngân hàng đó mà sự hoảng loạn bất an theo phản ứng dây chuyền của toàn bộ hệ thống ngân hàng và nền kinh tế. Vì vậy, xu hướng chung hiện nay trong lĩnh vực pháp luật về phá sản các ngân hàng là xây dựng một cơ chế pháp lý nhằm phục hồi năng lực thanh toán của các tổ chức tín dụng tạm thời mất khả năng thanh toán.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay, cơ chế pháp lý nhằm phục hồi khả năng thanh toán của một tổ chức tín dụng bao gồm:

Thứ nhất: Phục hồi tổ chức tín dụng trước thời điểm yêu cầu tuyên bố phá sản tổ chức tín dụng (kiểm soát đặc biệt).

Theo quy định tại Khoản 1 - Điều 146 - Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 kiểm soát đặc biệt có thể được hiểu là việc một tổ chức tín dụng bị đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của ngân hàng Nhà nước do có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc có nguy cơ mất khả năng thanh toán. Nhằm phục hồi khả năng thanh toán cho các tổ chức tín dụng, bảo đảm an toàn hệ thống Ngân hàng.

Tóm lại, kiểm soát đặc biệt là quy trình phục hồi khả năng thanh toán của các tổ chức tín dụng tạm thời mất khả năng thanh toán. Biện pháp phục hồi này mang tính hành chính, nghiệp vụ để thực hiện bởi Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Thứ hai: Phục hồi hoạt động của tổ chức tín dụng sau khi có quyết định mở thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản. Theo quy định của Luật tổ chức tín dụng thì khi tổ chức tín dụng lâm vào tình trạng phá sản thì trước hết tổ chức tín dụng phải lập ngay kế hoạch phục hồi hoạt động tín dụng, xoay chuyển tình thế hiệu quả và thuyết phục. Nếu thực sự muốn phục hồi hoạt động của tổ chức tín dụng bằng khả năng thanh toán nợ của mình thì tổ chức tín dụng có thể áp dụng một trong các hình thức cho vay cấp cứu sau:

- Ngân hàng Nhà nước: Cho vay đặc biệt để hỗ trợ tổ chức tín dụng.
- Bảo hiểm gửi tiền: Đứng ra chi trả tiền gửi cho nhân dân.
- Các Ngân hàng khác: Cho vay hỗ trợ cấp tốc.

2.2. Hệ quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.2.1. Các trường hợp đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.2.1.1. Doanh nghiệp bị thua lỗ

Trường hợp doanh nghiệp mắc nợ đã được áp dụng biện pháp để phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng vẫn không phục hồi được và không thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì Thẩm phán sẽ ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ra quyết định mở thủ tục thanh lý tài sản.

2.2.1.2. Doanh nghiệp đã quá thời hạn thanh toán mà không thanh toán được các khoản nợ khi chủ nợ yêu cầu

Hết thời hạn 3 năm mà kế hoạch trả nợ của doanh nghiệp mắc nợ không thực hiện được như đã cam kết trong hội nghị chủ nợ thì doanh nghiệp coi như đang đứng trên bờ vực thẳm của sự phá sản và Tòa án sẽ quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

2.2.2. Hệ quả pháp lý của việc đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.2.2.1. Hệ quả đối với doanh nghiệp

- Doanh nghiệp không còn lâm vào tình trạng phá sản nếu thanh toán hết các khoản nợ trong thời hạn 3 năm.

- Doanh nghiệp chấm dứt tư cách chủ thể của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản khi không có khả năng thanh toán nợ trong 3 năm áp dụng thủ tục phục hồi.

2.2.2.2. Hệ quả đối với các bên có liên quan

Thứ nhất: Đối với chủ nợ:

- Khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và đã được hội nghị chủ nợ cho phép doanh nghiệp thực hiện các phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời hạn tối đa là ba năm, nếu trong thời hạn đó doanh nghiệp thực hiện tốt phương án phục hồi, mang lại hiệu quả kinh tế cao thì các chủ nợ sẽ được doanh nghiệp mắc nợ thanh toán hết số nợ mà họ phải trả.

Nếu doanh nghiệp mắc nợ không áp dụng hoặc áp dụng thủ tục phục hồi, không đạt hiệu quả kinh tế, vẫn thua lỗ trong hoạt động kinh doanh thì việc thanh toán nợ đối với chủ nợ sẽ khó khăn hơn và theo quy định của Luật phá sản thì số tài sản còn lại sẽ được chia cho chủ nợ theo thứ tự ưu tiên thanh toán.

Thứ hai: Đối với người lao động:

- Khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được áp dụng các biện pháp để phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Nếu doanh nghiệp mắc nợ áp dụng tốt thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh thì các khoản nợ đối với người lao động như: lương, trợ cấp, bảo hiểm xã hội sẽ được thanh toán và người lao động có việc làm trở lại.

- Nếu doanh nghiệp mắc nợ không phục hồi được hoạt động kinh doanh thì người lao động sẽ mất việc làm.

2.3. Thực tiễn áp dụng pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

2.3.1. Thực trạng áp dụng luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản ở Việt Nam

Luật phá sản doanh nghiệp 1993 đã có bước tiến sự ra đời của hệ thống pháp luật. Nhưng Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, làm cản trở việc phá sản doanh nghiệp của nhà nước ta. Luật phá sản mới 2004 với nhiều điểm tiến bộ đã được đã có quy định 10 điều về thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xác định rất rõ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp mắc nợ.

2.3.2. Tình hình thụ lý, giải quyết yêu cầu mở thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Thứ nhất: Tỷ lệ doanh nghiệp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc bắt buộc phải mở thủ tục phá sản còn ít, chưa đánh giá được số lượng thực tế doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và cũng chưa phản ánh được thực trạng tài chính của chủ thể kinh doanh.

Thứ hai: Quá trình tiến hành thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản còn bị kéo dài

Thứ ba: Tình trạng chấp hành các quy định về chế độ tài chính - kế toán trong các doanh nghiệp còn yếu kém là một trong những nguyên nhân làm suy giảm hiệu lực của luật phá sản.

2.3.2.1. Những ưu điểm của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản 2004

Phục hồi hoạt động kinh doanh là một giai đoạn trong thủ tục tố tụng, khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, đây là một quá trình hoạt động của Tòa án và những người tham gia tố tụng và cũng là bước phát triển mới về lý luận của luật phá sản nước ta. Luật phá sản năm 2004 ra đời đã có những tiến bộ hơn trong thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản của luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 như sau:

Thứ nhất: Phục hồi hoạt động kinh doanh là một thủ tục độc lập (tách bạch với hoạt động thanh lý tài sản, các khoản nợ).

Thứ hai: Luật phá sản doanh nghiệp năm 2004 đã bổ sung về đối tượng có quyền xây dựng phương án phục hồi.

Thứ ba: Hội nghị chủ nợ là thủ tục bắt buộc trong tiến trình giải quyết đơn yêu cầu thủ tục phá sản như luật phá sản doanh nghiệp.

2.3.2.2. Những điểm còn hạn chế của thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo luật phá sản 2004

Nội dung của thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản được quy định trong Luật phá sản năm 2004 đã có những tiến bộ hơn so với luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 nhưng trên thực tế khi nghiên cứu về thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật phá sản 2004 thì tác giả nhận thấy còn có những điểm hạn chế sau:

Thứ nhất: Về tiêu chí quy định doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản vẫn chỉ là định tính, không phản ánh đúng tình trạng tài chính thực tế của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ hai: Việc không cho chủ nợ có bảo đảm nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp đã làm mất đi quyền lựa chọn phương thức đòi nợ hữu hiệu này của các doanh nghiệp có bảo đảm.

Thứ ba: Về việc nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp mình đang hoạt động: Người lao động không được tự nộp đơn mà phải cử người đại diện hoặc thông qua đại diện công đoàn để nộp đơn, vô hình chung đã hạn chế và gần như vô hiệu hóa quyền nộp đơn của người lao động.

Thứ tư: Về tổ chức hội nghị chủ nợ. Theo quy định của Luật phá sản đã không tạo điều kiện cho Hội nghị chủ nợ hoạt động một cách kịp thời để có thể giúp cho doanh nghiệp mắc nợ vượt qua được khó khăn của mình.

Thứ năm: Hậu quả của việc đình chỉ thủ tục phục hồi: Việc ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi dẫn đến một hậu quả pháp lý rất quan trọng là doanh nghiệp đó được coi là không lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ sáu: Việc không áp dụng quy định không tính lãi đối với các khoản nợ đã không khuyến khích được vấn đề tài chính cho doanh nghiệp.

Thứ bảy: Chỉ có doanh nghiệp mắc nợ Tòa án chấp nhận mở thủ tục phá sản mới có cơ hội được áp dụng cơ chế phục hồi. Quy định này buộc các doanh nghiệp mắc nợ phải tiến hành thủ tục phục hồi dưới sự kiểm soát của Tòa án, chưa thực sự khuyến khích các doanh nghiệp mắc nợ nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN THỦ TỤC PHỤC HỒI DOANH NGHIỆP LÂM VÀO TÌNH TRẠNG PHÁ SẢN THEO LUẬT PHÁ SẢN VIỆT NAM 2004

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định liên quan thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Từ những sự phân tích, đánh giá về vai trò của việc áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản và những số liệu về tình hình áp dụng cơ chế quản lý hoạt động phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những khó khăn, vướng mắc trong những quy định của pháp luật hiện hành về quản lý doanh nghiệp thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh. Nên tác giả thấy cần thiết phải hoàn thiện các quy định liên quan đến thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản như sau:

Thứ nhất: Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ, đúng đắn những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật phá sản về những quy định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ hai: Tiếp tục khẳng định vai trò, ý nghĩa của những quy định pháp luật về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong Luật phá sản 2004 cũng như trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan.

Thứ ba: Hoàn thiện pháp luật về thủ tục phục hoạt động kinh doanh trên cơ sở bám sát các yêu cầu phát sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh.

Thứ tư: Hoàn thiện những quy định pháp luật về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong nước.

3.2. Sửa đổi bổ sung các quy định của Luật phá sản (2004) về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản

Nếu như Luật phá sản doanh nghiệp 1993 đầu tiên của Việt Nam không quy định về phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì Luật phá sản năm 2004 đã tiến bộ hơn khi đưa ra mười điều khoản cụ thể về thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Tuy nhiên, khi nghiên cứu mười điều khoản này ta có thể thấy chúng vẫn chỉ là những thủ tục pháp lý đơn lẻ, chưa phải là mục tiêu chính mà Luật phá sản năm 2004 hướng tới. Vì vậy, luận văn cho rằng cần phải sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật phá sản năm 2004 về phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản như sau:

Thứ nhất: Luật phá sản 2004 mở rộng đối tượng áp dụng quy định Điều 2 - Luật phá sản năm 2004.

Thứ hai: Luật phá sản 2004 bổ sung thêm đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp.

Thứ ba: Cho phép lâm doanh nghiệp vào tình trạng phá sản được lựa chọn biện pháp phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ tư: Luật phá sản 2004 bổ sung các quy định tăng cường vai trò của Tòa án trong quá trình phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ năm: Luật phá sản 2004 bổ sung thêm giai đoạn giám sát và cơ quan giám sát vào quá trình thực hiện thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ sáu: Luật phá sản năm 2004 chưa có quy định nào về chủ nợ mới phát sinh khi mở thủ tục phá sản.

Thứ bảy: Luật phá sản năm 2004 bổ sung những quy định về những điều kiện cần thiết về khả năng tài chính và có sự khuyến khích của Nhà nước.

Thứ tám: Về hậu quả của Nghị quyết công nhận phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3.3. Cần tăng cường thi hành các quy định về thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của Luật phá sản năm 2004

Ngoài những bất cập trong quy định về thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, một vấn đề cần đặt ra khi nghiên cứu pháp luật phá sản của Việt Nam là việc thi hành các quy định của luật thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản còn gặp rất nhiều khó khăn trong khâu thực hiện. Để khắc phục vấn đề này, luận văn có thể đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần xây dựng việc thi hành các quy định về phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản có hiệu quả hơn như sau:

Thứ nhất: Nâng cao nhận thức, hiểu biết của các doanh nghiệp, người lao động và các chủ thể khác có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh về vai trò của Luật phá sản.

Thứ hai: Cần tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường giới thiệu và tuyên truyền về pháp luật phá sản và lợi ích của việc phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ ba: Cần phải thay đổi quan niệm của xã hội về thủ tục phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ tư: Cần tăng cường tính chủ động của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ năm: Cần phải quan tâm hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Thẩm phán trong việc áp dụng các quy định pháp luật về phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Thứ sáu: Cần phải giải tỏa yếu tố tâm lý.

KẾT LUẬN

Phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản là một thủ tục quan trọng trong thủ tục phá sản nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ, người lao động, doanh nghiệp mắc nợ và lợi ích của toàn xã hội. Vì vậy, pháp luật cần phải có những quy định cụ thể về trình tự, thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản. Có như vậy Luật phá sản mới tạo lập những cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ, người lao động, doanh nghiệp mắc nợ và các đối tượng khác có liên quan trong thủ tục phá sản, và cũng trên cơ sở đó mới xác định rõ được quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Mặc dù Luật phá sản năm 2004 đã có một chương quy định cho vấn đề phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, khắc phục được nhiều bất cập trong các quy định của Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993 như: Tăng thời gian quy định cho việc áp dụng thủ tục phục hồi, mở rộng các quy định về việc xác định quyền và nghĩa vụ cho doanh nghiệp mắc nợ, tăng thêm các biện pháp phục hồi, nhưng vì luật mới chỉ quy định những nội dung chính, do đó Nhà nước cần phải xây dựng thêm các văn bản hướng dẫn thi hành để sớm được áp dụng vào cuộc sống.

Mặt khác, nước ta đang trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế để bắt nhịp với những nhu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên không tránh khỏi những bất cập, thiếu đồng bộ và liên thông. Do đó cần phải có những quy định trong các văn bản pháp luật khác đồng bộ với các quy định mới của Luật phá sản.

Với mong muốn góp phần nhỏ bé vào công cuộc xây dựng pháp luật, luận văn đã nghiên cứu một cách toàn diện về thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong thủ tục phá sản, đánh giá thực trạng áp dụng thủ tục phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản trong Luật phá sản của Việt Nam trong những năm qua để từ đó tìm ra những điểm hạn chế, những khiếm khuyết và những bất cập cần phải được khắc phục kịp thời để hoàn thiện hệ thống pháp luật về phá sản của Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng trong đời sống kinh doanh.

Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu còn nhiều hạn chế, nhiều vấn đề luận văn chưa có điều kiện để đi sâu nghiên cứu. Vì vậy, rất mong được sự trao đổi để luận văn tiếp tục được nghiên cứu sâu hơn.